**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**MÔN: TOÁN - LỚP 3**

**BÀI: EM LÀM ĐƯỢC NHỮNG GÌ (TIẾT 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

 **-** Giao tiếp toán học: Nghe hiểu, đọc hiểu và ghi chép được các kiến thức về phép nhân và phép chia vận dụng vào giải toán đơn giản.

 **-** Tư duy và lập luận toán học: Thực hiện được nhân, chia các số có bốn chữ số cho số có một chữ số

 **-** Sử dụng công cụ, phương tiện toán học: Biết sử dụng sơ đồ tách gộp, tranh ảnh để giải các bài toán liên quan

 **-** Giải quyết vấn đề toán học: Giải quyết vấn đề đơn giản liên quan đến đo lường: Khối lượng, dung tích.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Sách Toán lớp 3; bộ thiết bị dạy toán; bảng phụ, bảng nhóm

- HS: Sách học sinh, vở bài tập; bộ thiết bị học toán; viết chì, bảng con

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động Khởi động: (5 phút)**a. Mục tiêu: Tạo cảm xúc vui tươi, kết nối với chủ đề bài học.b. Phương pháp, hình thức tổ chức: PP vấn đáp, quan sát, hoạt động cả lớp |
| - GV tổ chức trò chơi *Bắn tên*+ 5 nghìn cộng thêm mấy để được 7 nghìn?+ 8 nghìn trừ đi mấy để được 5 nghìn?+ mấy nghìn trừ đi 3 nghìn bằng 6 nghìn?- Nhận xét, tuyên dương những em làm đúng và nhanh nhất.- Giới thiệu bài mới, ghi đầu bài lên bảng | - HS viết bảng - HS lắng nghe. |
| **2. Hoạt động Luyện tập** |
| a. Mục tiêu: Ôn tập phép nhân, phép chia số có bốn chữ số với số có một chữ số, gấp một số lên nhiều lần.b. Phương pháp, hình thức tổ chức: PP vấn đáp, quan sát, đặt và giải quyết vấn đề. Hoạt động cá nhân – cặp đôi - cả lớp |
| **Bài 4: Cặp đôi – Cả lớp**- Yêu cầu HS đọc bài tập.+ Bài toán yêu cầu gì?+ Nếu có số ở hàng trên, muốn tìm số ở hàng dưới thì làm sao?Nếu có số ở hàng dưới, muốn tìm số ở hàng trên thì làm sao?- Yêu cầu HS thảo luận nhóm- HS trình bày giải thích cách làm- GV nhận xét, tuyên dương kết luận: **Bài 5: Cặp đôi – cả lớp**- Yêu cầu HS đọc yêu cầu bài.*+ Bài toán cho biết gì? Bài toán hỏi gì?*- Yêu cầu HS trình bày và giải thích.- Nhận xét, đánh giá.**Bài 6: (Cặp - Lớp)**- Yêu cầu HS đọc yêu cầu bài.*+ Bài toán cho biết gì? Bài toán hỏi gì?*- GV hướng dẫn tóm tắt - GV nhận xét tuyên dương | - HS đọc.+ Điền số vào chỗ trống.+ Số hàng trên x 2+ Số hàng trên : 2- Học sinh làm bài cá nhân.- Đổi kiểm tra chéo, nhận xét.- Chia sẻ kết quả trước lớp. Nói cách làm- Học sinh làm bài cá nhân vào vở- Đổi kiểm tra chéo, nhận xét.- Chia sẻ kết quả trước lớp. Nói cách làm+ Tìm tất cả số bò và gà 🡪 gộp 🡪 Cộng 🡪 Số bò đã biết, chưa biết số gà.+ Số gà gấp 8 lần số bò 🡪 số bé x 8 Bài giảiSố con gà trang trại nuôi là: 1 020 x 8 = 8 160 (con)Số con bò và gà trang trại đó nuôi tất cả là: 1 020 + 8 160 = 9 180 (con) Đáp số: 9 180 con bò và gà- Học sinh làm bài cá nhân vào vở- Đổi kiểm tra chéo, nhận xét.- Chia sẻ kết quả trước lớp. Nói cách làm Bài giải Đổi 1 l = 1 000 mlSố mililit sữa trong hộp còn lại sau khi rót ra 500ml là: 1 000 – 500 = 500 (ml)Số mililit sữa mỗi cốc đựng được là: 500 : 2 = 250 (ml) Đáp số: 250 ml sữa |
| **3. Hoạt động vận dụng (5 phút)**a. Mục tiêu: HS ôn lại những kiến thức, kĩ năng đã học, chuẩn bị bài cho tiết sau.b. Phương pháp, hình thức tổ chức: vấn đáp, trò chơi, hoạt động cả lớp |
| **Hoạt động 1: Vui học**- GV yêu cầu HS thực hiện nhóm 3. Mỗi bạn đóng vai một con vật. Viết khối lượng các con vật cần tìm vào bảng con.- YC HS trình bày.- GV giải thích mỗi quan hệ khối lượng giữa ba con vật theo sơ đồ**Hoạt động nối tiếp**- GV nhận xét tiết học và dặn dò chuẩn bị tiết học sau. | - HS suy nghĩ chia sẻ cặp, cả lớp- Lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................